

Số: /2025/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 2

QUYẾT ĐỊNH

Quy định lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quyết định này quy định về lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.
- Quyết định này không áp dụng đối với xe mô tô, xe gắn máy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý có liên quan, tổ chức, cá nhân sử dụng xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Xe mô tô tham gia giao thông đường bộ là xe cơ giới quy định tại điểm e khoản 1 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã được cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số theo quy định của Việt Nam.
- Xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ là xe cơ giới quy định tại điểm g khoản 1 Điều 34 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã được cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số theo quy định của Việt Nam.
- Mức khí thải (gồm: Mức 1, Mức 2, Mức 3, Mức 4) là các mức khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe

mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

Điều 4. Lộ trình áp dụng quy chuẩn khí thải

1. Thời điểm bắt đầu thực hiện kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ:

- a) Từ 01 tháng 7 năm 2027 đối với thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh;
- b) Từ 01 tháng 7 năm 2028 đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại;
- c) Từ 01 tháng 7 năm 2030 đối với các tỉnh, thành phố còn lại. Tùy theo tình hình thực tế, các tỉnh, thành phố này có thể quy định áp dụng thời hạn sớm hơn.

2. Xe mô tô sản xuất trước năm 2008, áp dụng Mức 1 – Giá trị giới hạn tối đa cho phép của khí thải quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

3. Xe mô tô sản xuất từ năm 2008 đến năm 2016, áp dụng Mức 2 – Giá trị giới hạn tối đa cho phép của khí thải quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

4. Xe mô tô sản xuất từ năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, áp dụng Mức 3 – Giá trị giới hạn tối đa cho phép của khí thải quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

5. Xe mô tô sản xuất từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, áp dụng Mức 4 – Giá trị giới hạn tối đa cho phép của khí thải quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

6. Xe gắn máy sản xuất trước năm 2016, áp dụng Mức 1 – Giá trị giới hạn tối đa cho phép của khí thải quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

7. Xe gắn máy sản xuất từ năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2027, áp dụng Mức 2 – Giá trị giới hạn tối đa cho phép của khí thải quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

8. Xe gắn máy sản xuất từ ngày 01 tháng 7 năm 2027, áp dụng Mức 4 – giá trị giới hạn tối đa cho phép của khí thải quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ.

9. Xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh phải đáp ứng quy định về khí thải Mức 2 trở lên, tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2030.

10. Xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông vào “vùng phát thải thấp” của thành phố Hà Nội theo quy định của Luật Thủ đô phải đáp ứng quy định về khí thải theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Hướng dẫn tổ chức thực hiện lộ trình này;

b) Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ, trong đó có quy định các Mức giá trị giới hạn tối đa cho phép của khí thải xe mô tô, xe gắn máy bảo đảm có hiệu lực theo đúng lộ trình quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 4 Quyết định này;

b) Căn cứ vào tình hình thực tế tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các quy định nâng cao mức khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ và mở rộng đối tượng áp dụng để trình Thủ tướng Chính phủ công bố lộ trình tiếp theo.

2. Bộ Xây dựng:

a) Chủ trì tổ chức việc kiểm tra, chứng nhận xe mô tô, xe gắn máy đáp ứng mức khí thải quy định tại Quyết định này; giám sát các cơ sở kiểm định khí thải thực hiện kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tuân thủ Quyết định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công an Tổ chức kiểm tra hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

c) Chia sẻ thông tin cơ sở kiểm định, dữ liệu kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy với Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện chức năng quản lý nhà nước;

d) Quy định dấu hiệu nhận biết xe kiểm định đạt các mức khí thải khác nhau, tạo điều kiện cho các xe đạt mức khí thải được hoạt động tại các vùng tại các khu vực khác nhau theo quy định tại Điều 4 Quyết định này.

3. Bộ Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan bảo đảm sản xuất, nhập khẩu và cung ứng nhiên liệu sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy có chất lượng theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel, nhiên liệu sinh học và phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật và lộ trình áp dụng mức khí thải quy định tại Quyết định này.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến cho cộng đồng về hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

b) Nghiên cứu, rà soát quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhiên liệu để sửa đổi, bổ sung phù hợp với lộ trình áp dụng các mức khí thải quy định tại Quyết định này;

c) Rà soát các quy định về việc chứng nhận, chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí thải theo quy định của pháp luật về đo lường để sửa đổi,

bổ sung đáp ứng việc kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo phù hợp với lộ trình áp dụng các mức khí thải quy định tại Quyết định này.

5. Bộ Tài chính:

Chủ trì, đề xuất chính sách ưu đãi về thuế, phí; chính sách hỗ trợ về tài chính trực tiếp, gián tiếp để người sử dụng chuyển đổi phương tiện và phát triển cơ sở kiểm định khí thải.

6. Bộ Công An:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng công an các địa phương thực hiện kiểm tra, kiểm soát xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tuân thủ mức khí thải quy định tại Quyết định này; xử lý các trường hợp vi phạm quy định về mức khí thải theo quy định;

b) Chia sẻ dữ liệu đăng ký xe mô tô, xe gắn máy với Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường để phục vụ công tác kiểm định khí thải.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng trong việc triển khai thực hiện Quyết định này.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; quản lý, kiểm tra, giám sát chất lượng nhiên liệu khi lưu hành trên thị trường;

b) Tổ chức xây dựng hệ thống các Trung tâm, Trạm, Cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (của nhà nước, doanh nghiệp và tư nhân) đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu kiểm định, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và quy định hiện hành;

c) Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu công tác bảo vệ môi trường tại địa phương, trong trường hợp cần thiết có thể ban hành quy định riêng về khu vực, vùng phát thải thấp hoặc hạn chế lưu thông phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; quy định lộ trình áp dụng mức khí thải tại địa phương theo hướng nghiêm ngặt hơn mức khí thải quy định tại Quyết định này, phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; huy động nguồn lực hỗ trợ nhóm người có thu nhập thấp trong việc thay thế phương tiện đã qua nhiều năm sử dụng, có nguy cơ gây ô nhiễm cao khi không đáp ứng mức khí thải trên địa bàn quản lý.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

2. Trong thời hạn 18 tháng kể từ thời điểm bắt đầu thực hiện kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tại các tỉnh, thành phố quy định tại khoản 1 Điều 4, xe

mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông phải thực hiện kiểm định khí thải. Trong thời gian này, các cơ quan chức năng tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thực hiện kiểm định khí thải mà chưa thực hiện hoạt động xử lý vi phạm. Sau thời hạn này, các cơ quan chức năng sẽ tổ chức kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng để nghiên cứu, báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN. pvc

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà